

Số: 369 /QĐ-VPCNCLQG

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 70/2025/QH15;
Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-TĐC của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ngày 02 tháng 04 năm 2025 v/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

PHÒNG THỬ NGHIỆM VÀ HIỆU CHUẨN CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆT

phù hợp theo các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với phạm vi công nhận như được đề cập trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm mang số hiệu: **VILAS 1009**

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Trường hợp Công ty Cổ phần Kiểm định Đo lường Chất lượng Việt cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Công ty Cổ phần Kiểm định Đo lường Chất lượng Việt phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 02 năm 2026 đến ngày 12 tháng 02 năm 2031 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 6: Quyết định này thay thế Quyết định số 713/QĐ-VPCNCL ngày 24 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng (nay là Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia).

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



TS. Trần Thị Thu Hà



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: 369 /QĐ-VPCNCLQG

ngày 13 tháng 02 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn
Laboratory: The laboratory of test and calibration

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần Kiểm định Đo lường Chất lượng Việt
Organization: Viet Metrology Quality Testing Joint Stock Company

Số hiệu/ Code: VILAS 1009

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: . Đo lường - Hiệu chuẩn
Field: Measurement - Calibration

Người quản lý/
Laboratory manager: Trịnh Quốc Công

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: Kể từ ngày 13 /02/2026 đến ngày 12 /02/2031

Địa chỉ/Address: 597 Quốc lộ 1A, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh
597 National Route 1A, Quarter 4, Binh Hung Hoa ward, Ho Chi Minh city

Địa điểm/Location: 597 Quốc lộ 1A, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa, thành phố Hồ Chí Minh
597 National Route 1A, Quarter 4, Binh Hung Hoa ward, Ho Chi Minh city

Điện thoại/ Tel: 028 35069004

E-mail: kiemdingh@quatestviet.vn

Website: quatestviet.vn



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 1009

Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Khối lượng**

Field of calibration: **Mass**

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Cân điện tử không tự động cấp chính xác III (x) <i>Non-automatic Electronic Balance Class III</i>	Đến/ To 100 g	QTHC/QH - 01:2023	10 mg
		100 g ~ 1 kg		0,1 g
		1 kg ~ 2 kg		0,2 g
		2 kg ~ 5 kg		0,5 g
		5 kg ~ 10 kg		1 g
		10 kg ~ 20 kg		2 g
		20 kg ~ 50 kg		5 g
		50 kg ~ 100 kg		10 g
		100 kg ~ 200 kg		20 g
		200 kg ~ 500 kg		50 g
		500 kg ~ 1 tấn		0,1 kg
		1 tấn ~ 2 tấn		0,2 kg
		2 tấn ~ 5 tấn		0,5 kg
		5 tấn ~ 10 tấn		1 kg
		10 tấn ~ 20 tấn		2 kg
		20 tấn ~ 40 tấn		5 kg
		40 tấn ~ 60 tấn		10 kg
		60 tấn ~ 100 tấn		20 kg
2.	Cân kỹ thuật (Cấp chính xác II) (x) <i>Technical balance (Class II)</i>	20 mg ~ 320 g	QTHC/QH - 02:2021	1 mg
		320 g ~ 620 g		2 mg
		620 g ~ 2000 g		10 mg
		620 g ~ 3000 g		14 mg
		3000 g ~ 6200 g		25 mg
		6200 g ~ 32 kg		150 mg

VÀ CÔNG
PHÒNG
NHẬN
LƯỢNG
GIA
NG CHẤT LƯỢNG

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 1009

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
3.	Quả cân (Cấp chính xác M1) <i>Weight</i> <i>(Accuracy class M1)</i>	1 kg	ĐLVN 99:2002	0,017 g
		2 kg		0,033 g
		5 kg		0,08 g
		10 kg		0,17 g
		20 kg		0,33 g

Chú thích/ Notes:

- ĐLVN: Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam/ *Vietnam technical measurement document*
- QTHC/QH ...: Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Calibration laboratory-developed procedures*
- (x): Phép hiệu chuẩn có thực hiện tại hiện trường/ *Calibration perform on-site.*
- ⁽¹⁾: Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, sử dụng hệ số phủ k=2 và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa/ *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor k=2 and expressed with maximum 2 significance digits*

Trường hợp Công ty Cổ phần Kiểm định Đo lường Chất lượng Việt cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Công ty Cổ phần Kiểm định Đo lường Chất lượng Việt phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Viet Metrology Quality Testing Joint Stock Company that provides calibration, testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing these service.*

Phan

